

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TIẾNG ANH 8
THEME 1: FREE TIME – LESSON 2 (tiết 3 + 4)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
I. Đọc và thực hiện các yêu cầu Yêu cầu 1: Em hãy kể tên các hoạt động phần ngữ liệu Em hãy nhìn vào 6 bức ảnh và xem mình biết thông tin gì về những hoạt động này. Em hãy kể tên những hoạt động này bằng tiếng Anh. 🌸 Những hoạt động khác nhau trong thời gian rảnh rỗi.	Ngữ liệu Student's Book/ trang 6 – phần New words      
Yêu cầu 2: Em hãy xem phần từ vựng và tự kiểm tra phần kể tên	Vocabulary - quiz (n) câu đố - dance (n) sự khiêu vũ, nhảy múa

Em hãy xem mình kể tên đúng được bao nhiêu hoạt động. Lưu ý vừa kiểm tra vừa kết hợp xem ảnh.

❁ Sử dụng từ điển offline (ví dụ Tflat) để nghe phát âm của từ.

Yêu cầu 3: Em hãy đoán xem những hoạt động trên sẽ nằm ở cột nào

Dựa vào những thông tin hiểu biết của bản thân, em hãy sắp xếp những hoạt động vào đúng cột.

Yêu cầu 4: Em đọc sắm vai phần Useful language

Đọc sắm vai phần Useful language và lưu ý cách sử dụng prepositions of time (giới từ chỉ thời gian)

Prepositions of time (giới từ chỉ thời gian)

❁ in (trong, vào):

- pottery (n) nghề gốm thủ công

- art (n) nghệ thuật → artist (n) nhà nghệ thuật, họa sĩ

- carnival (n) ngày hội

- extreme (adj) cực kỳ, rất, vô cùng → extremely (adv) cực kỳ

→ extreme sports (n) thể thao mạo hiểm

- exhibition (n) cuộc triển lãm → exhibit (v) triển lãm, trưng bày

- competition (n) cuộc thi → compete (v) cạnh tranh, thi đấu

Ngữ liệu

Phần New Words trang 6 trong Student's Book

quiz extreme sports art pottery carnival dance

competition	show	exhibition	class	other
	quiz			

Useful language – trang 6 – Student's Book

Why don't we go to the dance competition?

It's on Sunday.

It starts at 5 p.m. and finishes at 7 p.m.

Sorry, I can't because art club doesn't finish until 7:30 p.m.

When is it?

What time does it start?

Note

We use:

"start" and "finish" for competitions, shows, and classes.

"open" and "close" for exhibitions.

đứng trước: + thế kỷ; thập kỷ + năm + tháng + mùa + buổi (in the morning / afternoon / evening) - <i>in time</i> (= soon enough) : đúng lúc , kịp lúc - <i>on time</i> (= not late) : đúng giờ ❁ on (vào): đứng trước + ngày + ngày tháng + ngày tháng năm + ngày cụ thể ❁ at (lúc, vào lúc): đứng trước + giờ (at 8 o'clock + thời điểm trong ngày + dịp lễ (at Christmas) ❁ till/ until (đến, cho đến khi) Yêu cầu 5: Em đọc và tìm chỗ sai trong phần Grammar trang 7 – Student's Book	Ex: He lived in 19th century Ex: She was born in 2008. Ex: in October Ex: in the summer Ex: in the morning / afternoon / evening Ex: on Monday / Saturday Ex: on 2nd September Ex: on 3st September 2013 Ex: on Christmas Day Ex: at 8 o'clock Ex: at night, at noon, at midnight, at sunset , at dawn, ... Ex: at christmas Ex: He'll be at work until/ till 5.30 p.m.
--	--

Dựa vào những kiến thức đã lĩnh hội, em hãy tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng.

Ngữ liệu

1. When does it? _____ is _____
2. The art exhibition open at 9 a.m. _____
3. What time is the quiz show start? _____
4. The pottery class finish at 10 a.m. _____
5. The dance competition is at Sunday. _____
6. I'm sorry, I can't because my class doesn't finish at 4 p.m. _____

II. Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

PHIẾU HỌC TẬP TIẾNG ANH 8

THEME 1: FREE TIME – LESSON 2 (tiết 3 + 4)

I. Choose the word or phrase that best fits the blank space in each sentence: (7pts)

1. What time doesclose?

A. quiz show B. art exhibition C. pottery class D. dance show

2. You can look at lots of beautiful pictures in the.....

A. service B. invention C. demonstration D. exhibition

3. They will come here11:30 a.m.

A. for B. at C. on D. in

4. The art competition at 10.00 p.m.

A. start B. finishes C. opens D. closes

5. I have a pottery class Wednesday morning.

A. on B. in C. at D. until

6. The carnival on Sunday morning.

A. starts B. finish C. opens D. closes

7. The art club doesn't finish 10.30 p.m.

A. on B. in C. at D. until

II. Use the correct form of the words in parentheses: (3pts)

1. He is one of the famous (art)

2. He is interested in joining in the dance (compete)

3. Lan likes to watch sports. (extremely)

III. Thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học: Tiếng Anh 8

A. Nội dung học tập

I. Yêu cầu 1

.....

.....

.....

.....

II. Yêu cầu 2

.....

.....

.....

.....

III. Yêu cầu 3

.....

.....

.....

IV. Yêu cầu 4

.....

.....

.....

.....

V. Yêu cầu 5

.....

.....

.....

.....

VI. Phiếu học tập

.....
.....
.....
.....
.....

B. Câu hỏi của học sinh

1.
 2.
 3.
-
-